

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2023

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quốc Tr.
2. Ông Lê Văn Nh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 80/2022/TLST- DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Kim Th, sinh năm 1993;
2. Bị đơn: Ông Bùi Văn L2, sinh năm 1988;
Cùng địa chỉ: Ấp BT1, xã BHT, huyện M, tỉnh L.

Bà Th có mặt; ông L2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Kim Th: Bà Lâm Thị Kim Th yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn L2. Về con chung, có hai con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 29/11/2011; Bùi Thị Kim A2, sinh ngày 04/01/2016, bà Th yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác định không có.

Yêu cầu, đề nghị của ông Bùi Văn L2: Ông L2 vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Lâm Thị Kim Th cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà Th (photo); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); trích lục khai sinh Bùi Tuấn A; Bùi Thị Kim A2; bản tự khai.

Chứng cứ do ông Bùi Văn L2 cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Bà Th trình bày:

Bà Th và ông L2 đăng ký kết hôn tại UBND xã BHT vào năm 2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vợ chồng có hai con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 29/11/2011; Bùi Thị Kim A2, sinh ngày 04/01/2016.

Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Hiện nay, cả hai tuy còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà Th nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Th không còn tình cảm với ông L2. Do đó, bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L2. Về con chung, bà Th yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bà Th đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lâm Thị Kim Th và ông Bùi Văn L2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BHT và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông Bùi Văn L2: Ông Bùi Văn L2 vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông L2.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị Kim Th:

[3.1]. Bà Th trình bày về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân. Ông L2 vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của bà Th để giải quyết theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo lời trình bày của bà Th thể hiện cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong mọi việc. Ông L2 thường xuyên đánh chửi bà Th. Cả hai còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc ông L2 vắng mặt thể hiện ông L2 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[3.3]. Bà Th xác định không còn tình cảm với ông L2. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà Th và ông L2 không còn vì hôn nhân chỉ có thể tồn tại khi cả hai còn tình cảm với nhau. Đồng thời, thể hiện việc chung sống giữa bà Th và ông L2 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

[3.4]. Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông L2.

[4]. **Về con chung:** Ông L2 không có ý kiến về yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà Th. Xét thấy, hai con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 29/11/2011; Bùi Thị Kim A2, sinh ngày 04/01/2016, hiện đang sống với bà Th, con chung đang sống với bà Th và đều có nguyện vọng sống với bà Th nên bà Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ tốt hơn, giúp cho con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Do đó, căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Th.

[5]. **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. **Về tài sản chung:** Bà Th xác định không có tài sản chung, ông L2 vắng mặt, không có yêu cầu nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà Th về việc không có tài sản chung.

[7]. Về nợ chung: Bà Th xác định không có nợ chung, ông L2 vắng mặt, không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến bà Th về việc không có nợ chung.

[8]. Về án phí: Bà Lâm Thị Kim Th phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị Kim Th đối với ông Bùi Văn L2, cho bà Th được ly hôn ông L2.

2. Về con chung:

2.1. Căn cứ vào Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Kim Th về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Tuấn A, sinh ngày 29/11/2011; Bùi Thị Kim A2, sinh ngày 04/01/2016, hiện đang sống với bà Th. Ông L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Lâm Thị Kim Th về việc không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của bà Lâm Thị Kim Th về việc không có nợ chung.

5. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Lâm Thị Kim Th phải chịu án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm

ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai số 0010512 ngày 02 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, bà Th đã nộp đủ án phí.

6. Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Bà Lâm Thị Kim Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Văn L2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã BHT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1